

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 841/QĐ-ĐHTM ngày 24/05/2022
của Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Tài chính công (Public Finance)
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Tài chính – Ngân hàng
Mã ngành:	7340201
Chuyên ngành đào tạo:	Tài chính công
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân Tài chính công có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có đủ kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, pháp luật, vừa có kiến thức nền tảng về tài chính nói chung vừa có kiến thức chuyên sâu, kỹ năng chuyên nghiệp về tài chính công và quản lý tài chính để có thể đáp ứng các yêu cầu làm việc trong khu vực công ở các cấp độ khác nhau, từ thực hành tác nghiệp đến hoạch định chính sách. Sử dụng tốt các nguyên lý và kỹ năng quản lý tài chính để có thể tổ chức, thực hiện các tác nghiệp tài chính tại các tổ chức thuộc khu vực công, hoặc trở thành nghiên cứu viên, giảng viên tại các Viện nghiên cứu, trường đại học khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.

- Mục tiêu cụ thể:

PO1: Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu chuyên môn của lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

PO2: Có kiến thức nền tảng và kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành tài chính công nói riêng và tài chính ngân hàng nói chung, biết vận dụng kiến thức chuyên môn để giải quyết các vấn đề cụ thể thuộc lĩnh vực tài chính công nói riêng và tài chính – ngân hàng nói chung.

PO3: Có kỹ năng dẫn dắt, truyền đạt vấn đề, phổ biến kiến thức, tư duy phản biện, thực hiện các nhiệm vụ cụ thể, phức tạp thuộc chuyên môn tài chính công, thích ứng với những thay đổi của môi trường.

PO4: Có kỹ năng làm việc nhóm, đánh giá chất lượng công việc và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm, năng động, tự chủ, sáng tạo.

PO5: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2017/TT-BGDĐT-BTTTT; đạt chuẩn tiếng Anh theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT và Quyết định số 979/2016/QĐ-ĐHTM.

2. Yêu cầu về kiến thức

PLO1: Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật để giải quyết vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính công nói riêng và tài chính – ngân hàng nói chung.

PLO2: Vận dụng kiến thức cơ bản về kinh tế học trong lĩnh vực công và tài chính - tiền tệ - ngân hàng để phân tích, luận giải các vấn đề kinh tế vĩ mô, vai trò và sự vận hành của hệ thống tài chính trong nền kinh tế thị trường, cấu trúc và vai trò của khu vực công trong nền kinh tế.

PLO3: Vận dụng được các nguyên lý chung về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán để có thể giải thích, phân tích và đánh giá các vấn đề tài chính công tổng thể trong nền kinh tế

PLO4: Vận dụng các kiến thức lý thuyết chuyên sâu thuộc chuyên ngành để có thể nhận dạng, phân tích và đánh giá các vấn đề tài chính trong cơ quan nhà nước, đơn vị công và các tổ chức tài chính khác.

PLO5: Vận dụng được các kiến thức hỗ trợ trong tiếp cận và giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc chuyên ngành tài chính công nói riêng và tài chính ngân hàng nói chung và có thể liên thông sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kế toán, kinh tế, kinh doanh và quản lý.

3. Yêu cầu về kỹ năng

PLO6: Có khả năng tổ chức, thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong các cơ quan tài chính, cơ quan kho bạc nhà nước, cơ quan thuế và doanh nghiệp tư vấn thuế

PLO7: Có khả năng xây dựng, tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát các kế hoạch tài chính và hoạt động tài chính tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức công, tổ chức phi lợi nhuận.

PLO8: Có khả năng xây dựng, tổ chức thực hiện và giám sát chu trình quản lý tài chính, quản lý ngân sách nhà nước tại các cơ quan quản lý ngân sách các cấp, các đơn vị có sử dụng nguồn tiền ngân sách nhà nước

PLO9: Có khả năng vận dụng các kỹ năng về quản trị tài chính, định giá doanh nghiệp, kế toán, kiểm toán, quản lý tài sản công trong thực hiện các nghiệp vụ quản lý tài chính tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức công và tổ chức tài chính khác.

4. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO10: Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, truyền đạt vấn đề, phổ biến kiến thức và làm việc nhóm.

PLO11: Có kỹ năng tư duy phản biện, vận dụng đúng các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tài chính để giải quyết các vấn đề có liên quan

PLO12: Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tìm kiếm cơ hội việc làm và tự định hướng về chuyên môn nghề nghiệp.

PLO13: Có thái độ nghiêm túc, độc lập, tự chủ trong thực hiện nhiệm vụ và thích ứng với những thay đổi của môi trường.

5. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học

PLO14: Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại ban hành kèm theo Quyết định 1551/QĐ-ĐHTM ngày 13/10/2021 của Trường Đại học Thương mại.

PLO15: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy không thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 634/QĐ-ĐHTM ngày 26/9/2017 và được bổ sung, sửa đổi theo Quyết định số 1436/QĐ-ĐHTM ngày 4/12/2020 của Trường Đại học Thương mại.

6. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp CTĐT có thể làm việc tại các vị trí:

- Chuyên viên, cán bộ quản lý tài chính, tài sản và đầu tư tại các cơ quan nhà nước cấp trung ương và địa phương: Chính phủ và cơ quan trực thuộc chính phủ; Bộ chủ quản, cơ quan quản lý ngành và các cơ quan trực thuộc; Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan trực thuộc như sở, ban, phòng, ban quản lý dự án,...

- Chuyên viên, cán bộ quản lý tài chính, tài sản, đầu tư, cán bộ chuyên môn tại các cơ quan quản lý tài chính, tài sản công chuyên ngành: Thuế, Hải quan, Kho bạc nhà nước, Kiểm toán nhà nước, Ngân hàng nhà nước, Ngân hàng chính sách xã hội,

- Chuyên viên, cán bộ quản lý tài chính, tài sản và đầu tư tại các đơn vị sự nghiệp công như trường học công, bệnh viện công, cơ quan bảo hiểm xã hội,...

- Chuyên viên, cán bộ quản lý chuyên môn tại các công ty cung cấp dịch vụ tư vấn thuế, đại lý thuế

- Chuyên viên, cán bộ quản lý tài chính, tài sản và đầu tư trong các các tổ chức phi chính phủ, tổ chức phi lợi nhuận,...

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp CTĐT chuyên ngành Tài chính công của Trường Đại học Thương mại đủ trình độ và có khả năng học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan, đủ trình độ để học ở bậc đào tạo sau đại học (Thạc sỹ, Tiến sỹ) chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng; có thể học tiếp ở bậc đào tạo sau đại học đối với các chuyên ngành Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế toán kiểm toán, ... tại các Trường đại học trong và ngoài nước.

8. Các chương trình, chuẩn đầu ra quốc tế đã tham khảo

8.1. Trong nước

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung trình độ Quốc gia;

- Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý tài chính công, Học viện Tài chính: <https://hvtc.edu.vn/daotao/tabid/145/catid/38/id/20828/Chuong-trinh-dao-tao-he-dai-hoc-chinh-quy/Default.aspx>

- Chương trình đào tạo cử nhân Tài chính công, Trường Đại học kinh tế quốc dân: <https://daotao.neu.edu.vn/vi/ctdt-he-chinh-quy/chuong-trinh-dao-tao-he-dai-hoc-chinh-quy-cho-khoa-62>

- Chương trình đào tạo cử nhân Tài chính công, Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh: <https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/tai-chinh-cong-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-chuan/>

- Chương trình đào tạo cử nhân Tài chính công, Trường Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng: <http://due.udn.vn/vi-vn/khoa/ngan-hang/chi-tiet/cid/4747>


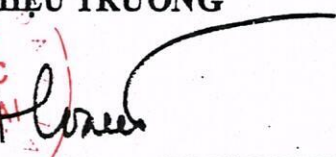
8.2. Ngoài nước


- Chương trình đào tạo “Public Administration” của Trường đại học California State University, San Bernardino (Mỹ): <https://www.calstate.edu/attend/campuses/san-bernardino>

- Chương trình đào tạo “Bachelor of Finance and Banking” của Trường The United Arab Emirates University (Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất): <https://www.uaeu.ac.ae/en/catalog/undergraduate/programs/bachelor-of-finance-and-banking.shtml>

- Chương trình đào tạo “Public Financial Management” của Trường University of Sussex (Anh): <https://www.sussex.ac.uk/study/modules/postgraduate/2021/965M9-public-financial-management>

- Chương trình đào tạo “Public Finance” của Trường University of Pennsylvania (Mỹ): <https://catalog.upenn.edu/graduate/programs/public-finance-certificate/>


HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG KHOA

PGS, TS Lê Thị Kim Nhung

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 841/QĐ-ĐHTM ngày 24 tháng 05 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Tài chính công (Public Finance)
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Tài chính – Ngân hàng
Mã ngành:	7340201
Chuyên ngành đào tạo:	Tài chính công
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo Tài chính công được ban hành theo Quyết định số 206/QĐ-ĐHTM ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Trường Đại học Thương mại về Ban hành chương trình đào tạo ngành và chuyên ngành Kế toán công và Tài chính công trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

- Lần rà soát, sửa đổi, bổ sung này, chương trình đã có những cập nhật, cải tiến so với chương trình đào tạo hiện hành như sau:

1.1. Đã rà soát và chỉnh sửa diễn đạt mục tiêu của CTĐT theo hướng đảm bảo rõ ràng, hướng tới việc đạt được sứ mạng và tầm nhìn của trường; phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động, xu hướng đòi hỏi đối với lao động tài chính công trong nền kinh tế, thích ứng với sự thay đổi công nghệ trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng và tương thích với CĐR của CTĐT

1.2. Đã rà soát, chỉnh sửa, biên tập lại các CĐR của CTĐT theo các chuẩn về: kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, ngoại ngữ và tin học. Với 15 CĐR đảm bảo bám sát Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

1.3. Vị trí làm việc của người học sau tốt nghiệp đã được trình bày phù hợp với CĐR và mục tiêu của CTĐT.

1.4. Các CTĐT, CĐR đã tham khảo đảm bảo tương thích với ngành đào tạo, được kiểm định và có link dẫn nguồn tham khảo.

1.5. Đã rà soát để đảm bảo được kết cấu hợp lý theo tỷ lệ tương đối giữa các HP của toàn bộ CTĐT; giữa các HP tự chọn với tổng số tín chỉ học tập và tốt nghiệp; giữa các khối kiến thức GDĐC và GD chuyên nghiệp; giữa kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành.

1.6. Ma trận CĐR đã được rà soát, biên tập trên cơ sở các CĐR và đề cương các HP trong CTĐT đã chỉnh sửa, bổ sung, đảm bảo hợp lý đáp ứng được các CĐR của CTĐT.

1.7. Một số điều chỉnh, cải tiến cơ bản như sau:

- Chuyển học phần Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1 từ Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp sang Khối kiến thức giáo dục đại cương. Chuyển học phần Kinh tế lượng từ Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp sang Khối kiến thức giáo dục đại cương và thay thế cho học phần Toán cao cấp 1. Lý do: (1) Đảm bảo Khối lượng kiến thức giáo dục đại cương chiếm từ 30-35%. (2) Học phần Kinh tế vi mô 1 cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế vi mô để sinh viên hiểu được cơ sở của việc ra các quyết định kinh tế tối ưu của người tiêu dùng và cơ sở kinh doanh nói chung trong điều kiện giới hạn nguồn lực. Học phần Kinh tế vĩ mô 1 trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô để sinh viên hiểu được các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản và nắm được nội dung tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến hoạt động của nền kinh tế. Đây là những hiểu biết chung về kinh tế thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. (3) Trong CTĐT đã có học phần Lý thuyết xác suất và thống kê toán cung cấp nền tảng lý thuyết toán học cần thiết và phù hợp hơn để học học phần Kinh tế lượng. Học phần Kinh tế lượng cung cấp các nguyên lý chung về sử dụng các kỹ thuật và mô hình ước lượng toán học để giải quyết các bài toán kinh tế nói chung. Đây là những hiểu biết chung về toán học trong lĩnh vực kinh tế thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương.

- Chuyển một số học phần từ bắt buộc sang tự chọn bao gồm: Khối kiến thức ngành: Tài chính quốc tế; Quản lý tài chính an sinh xã hội; Kế toán công 1. Lý do: Tăng số lượng tín chỉ học phần tự chọn đảm bảo 25% tín chỉ học tập và tốt nghiệp. Điều chỉnh tên của HP Kiểm toán nội bộ khu vực công thành Kiểm toán nội bộ cho phù hợp với danh mục học phần hiện đang đào tạo của Nhà trường.

- Bổ sung thêm một số học phần tự chọn cụ thể là: Khối kiến thức cơ sở ngành: Các phương pháp và mô hình dự báo KTXH, Chuyển đổi số trong kinh doanh, Chính sách công (học phần Chính sách công cung cấp kiến thức về nguyên lý xây dựng và xem xét đánh giá các chính sách công thuộc khu vực công, nên cung cấp cơ sở lý thuyết hỗ trợ tốt hơn cho việc nghiên cứu các học phần chuyên ngành. Mặc dù, học phần này chưa được giảng dạy trong trường nhưng trong tham chiếu CTĐT của nhiều trường đều đã đưa vào giảng dạy. Học phần này sẽ có đóng góp tốt hơn trong việc đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT); Khối kiến thức ngành: Quản trị NHTM 1, Thị trường chứng khoán,

Bảo hiểm, Quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng, Thị trường ngoại hối, Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu, Kế toán công 2, Quản trị học, Nguyên lý quản lý kinh tế, Kinh tế vĩ mô 2, Kinh tế học quản lý; Lý do: Tăng thêm sự lựa chọn của người học, tạo cơ hội nghề nghiệp rộng hơn, đảm bảo phù hợp CĐR của chương trình đào tạo, đảm bảo số lượng tín chỉ học phần tự chọn đảm bảo 25% tín chỉ học tập và tốt nghiệp.

- Chuyển học phần Kế toán công 1 từ Khối kiến thức ngành sang Khối kiến thức cơ sở ngành. Chuyển học phần Tài chính vi mô từ Khối kiến thức bổ trợ sang Khối kiến thức cơ sở ngành. Chuyển học phần Kiểm toán nội bộ đơn vị công từ Khối kiến thức ngành sang khối thức bổ trợ và điều chỉnh tên thành Kiểm toán nội bộ cho phù hợp với hiện tại. Lý do: Phù hợp với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chuyên ngành Tài chính công.

- Các HP chuyên ngành có đổi mới hình thức đánh giá thi cuối kỳ bằng cách chuyển từ thi tự luận sang bài tập lớn, gồm: Tài chính công; Quản lý tài chính dự án đầu tư công và Quản lý tài chính các tổ chức phi lợi nhuận.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân Tài chính công có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có đủ kiến thức cơ bản về kinh tế, xã hội, pháp luật, vừa có kiến thức nền tảng về tài chính nói chung vừa có kiến thức chuyên sâu, kỹ năng chuyên nghiệp về tài chính công và quản lý tài chính để có thể đáp ứng các yêu cầu làm việc trong khu vực công ở các cấp độ khác nhau, từ thực hành tác nghiệp đến hoạch định chính sách. Sử dụng tốt các nguyên lý và kỹ năng quản lý tài chính để có thể tổ chức, thực hiện các tác nghiệp tài chính tại các tổ chức thuộc khu vực công.

- Mục tiêu cụ thể:

PO1: Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu chuyên môn của lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

PO2: Có kiến thức nền tảng và kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành tài chính công nói riêng và tài chính ngân hàng nói chung, biết vận dụng kiến thức chuyên môn để giải quyết các vấn đề cụ thể thuộc lĩnh vực tài chính công nói riêng và tài chính - ngân hàng nói chung.

PO3: Có kỹ năng dẫn dắt, truyền đạt vấn đề, phổ biến kiến thức, tư duy phản biện, thực hiện các nhiệm vụ cụ thể, phức tạp thuộc chuyên môn tài chính công, thích ứng với những thay đổi của môi trường.

PO4: Có kỹ năng làm việc nhóm, đánh giá chất lượng công việc và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm, năng động, tự chủ, sáng tạo.

PO5: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2017/TT-BGDĐT-BTTTT; đạt chuẩn tiếng Anh theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT và Quyết định số 979/2016/QĐ-ĐHTM.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.1. Yêu cầu về kiến thức

PLO1: Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật để giải quyết vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính công nói riêng và tài chính – ngân hàng nói chung.

PLO2: Vận dụng kiến thức cơ bản về kinh tế học trong lĩnh vực công và tài chính - tiền tệ - ngân hàng để phân tích, luận giải các vấn đề kinh tế vĩ mô, vai trò và sự vận hành của hệ thống tài chính trong nền kinh tế thị trường, cấu trúc và vai trò của khu vực công trong nền kinh tế.

PLO3: Vận dụng được các nguyên lý chung về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán để có thể giải thích, phân tích và đánh giá các vấn đề tài chính công tổng thể trong nền kinh tế

PLO4: Vận dụng các kiến thức lý thuyết chuyên sâu thuộc chuyên ngành để có thể nhận dạng, phân tích và đánh giá các vấn đề tài chính trong cơ quan nhà nước, đơn vị công và các tổ chức tài chính khác.

PLO5: Vận dụng được các kiến thức bổ trợ trong tiếp cận và giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc chuyên ngành tài chính công nói riêng và tài chính ngân hàng nói chung và có thể liên thông sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kế toán, kinh tế, kinh doanh và quản lý.

3.2. Yêu cầu về kỹ năng

PLO6: Có khả năng tổ chức, thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong các cơ quan tài chính, cơ quan kho bạc nhà nước, cơ quan thuế và doanh nghiệp tư vấn thuế

PLO7: Có khả năng xây dựng, tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát các kế hoạch tài chính và hoạt động tài chính tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức công, tổ chức phi lợi nhuận.

PLO8: Có khả năng xây dựng, tổ chức thực hiện và giám sát chu trình quản lý tài chính, quản lý ngân sách nhà nước tại các cơ quan quản lý ngân sách các cấp, các đơn vị có sử dụng nguồn tiền ngân sách nhà nước

PLO9: Có khả năng vận dụng các kỹ năng về quản trị tài chính, định giá doanh nghiệp, kế toán, kiểm toán, quản lý tài sản công trong thực hiện các nghiệp vụ quản lý tài chính tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức công và tổ chức tài chính khác.

3.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO10: Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, truyền đạt vấn đề, phổ biến kiến thức và làm việc nhóm.

PLO11: Có kỹ năng tư duy phản biện, vận dụng đúng các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tài chính để giải quyết các vấn đề có liên quan

PLO12: Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tìm kiếm cơ hội việc làm và tự định hướng về chuyên môn nghề nghiệp.

PLO13: Có thái độ nghiêm túc, độc lập, tự chủ trong thực hiện nhiệm vụ và thích ứng với những thay đổi của môi trường.

3.4. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học

PLO14: Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại ban hành kèm theo Quyết định 1551/QĐ-ĐHTM ngày 13/10/2021 của Trường Đại học Thương mại.

PLO15: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy không thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 634/QĐ-ĐHTM ngày 26/9/2017 và được bổ sung, sửa đổi theo Quyết định số 1436/QĐ-ĐHTM ngày 4/12/2020 của Trường Đại học Thương mại.

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 TC (trong đó: 120 TC học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh).

5. Đối tượng tuyển sinh

Người học trong cả nước đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học - Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

Bước 1. Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

Bước 2. Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;

- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trưởng Khoa/Viện quản lý chuyên ngành;

- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang <http://dangky.tmu.edu.vn> để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;

- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;

- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;

- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;

- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);

- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Bước 3. Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo,...

Bước 4. Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

Bước 5. Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học

f) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

7. Phương thức đánh giá

Theo thang điểm 10 thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

8. Nội dung chương trình đào tạo

8.1. Khung chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức và các học phần	Số TC	Cấu trúc
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	43	
1.1	Giáo dục đại cương	32	
1.1.1	Các học phần bắt buộc	30	
1	Triết học Mác - Lê Nin	3	36,18
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24,12
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24,12
4	Kinh tế chính trị Mác – Lê Nin	2	24,12
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	24,12
6	Pháp luật đại cương	2	24,12
7	Tiếng Anh 1	2	24,12
8	Tiếng Anh 2	2	24,12
9	Tiếng Anh 3	2	24,12
10	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	24,12
11	Kinh tế lượng	3	36,18
12	Tin học quản lý	3	36,18
13	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	24,12
1.1.2	Các học phần tự chọn (Chọn 2TC trong các HP sau)	2	
1	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	24,12
2	Xã hội học đại cương	2	24,12
3	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	24,12
1.2	Giáo dục thể chất	3	
1.2.1	Các học phần bắt buộc	1	
1	Giáo dục thể chất chung	1	12,18
1.2.2	Các học phần tự chọn (Chọn 2TC trong các HP sau)	2	

1	Bóng ném	1	12,18
2	Bóng chuyền	1	12,18
3	Bóng rổ	1	12,18
4	Bóng bàn	1	12,18
5	Cờ vua	1	12,18
1.3	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	
2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	88	
2.1	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	32	
2.1.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>	19	
1	Kinh tế vi mô 1	3	36,18
2	Kinh tế vĩ mô 1	3	36,18
3	Nhập môn tài chính tiền tệ	3	36,18
4	Kinh tế công cộng	3	36,18
5	Nguyên lý kế toán	3	36,18
6	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	24,12
7	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	24,12
2.1.2	<i>Các học phần tự chọn (Chọn 13 TC trong các HP sau)</i>	13	
1	Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế xã hội	2	24,12
2	Luật hành chính	2	24,12
3	Kinh tế phát triển	2	36,18
4	Chính sách công	2	24,12
5	Chuyển đổi số trong kinh doanh	2	24,12
6	Kinh tế môi trường	2	24,12
7	Kế toán công 1	3	36,18

8	Nguyên lý thống kê	3	36,18
9	Kiểm toán căn bản	3	36,18
10	Luật kinh tế 2	3	36,18
11	Tài chính vi mô	3	36,18
12	Quản trị học	3	36,18
13	Nguyên lý quản lý kinh tế	3	36,18
14	Kinh tế vĩ mô 2	3	36,18
15	Kinh tế học quản lý	3	36,18
2.2	Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)	33	
2.2.1	Các học phần bắt buộc	27	
1	Quản trị tài chính 1	3	36,18
2	Tài chính công*	3	34,12,5
3	Thuế	3	36,18
4	Nghiệp vụ Kho bạc nhà nước	3	36,18
5	Quản lý Ngân sách Nhà nước*	3	34,12,5
6	Quản lý tài chính dự án đầu tư công	3	36,18
7	Quản lý tài chính các tổ chức phi lợi nhuận	3	36,18
8	Định giá tài sản	3	36,18
9	Quản lý tài sản công	3	36,18
2.2.2	Các học phần tự chọn (chọn 6 TC trong các HP sau)	6	
1	Quản lý tài chính an sinh xã hội	3	36,18
2	Tài chính quốc tế	3	36,18
3	Quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng	3	36,18
4	Thị trường ngoại hối	3	36,18

5	Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu	3	36,18
6	Quản trị ngân hàng thương mại 1	3	36,18
2.3	Kiến thức bổ trợ	13	
2.3.1	Các học phần bắt buộc	4	
1	Hệ thống thông tin quản lý	2	24,12
2	Chính phủ điện tử	2	24,12
2.3.2	Các học phần tự chọn (chọn 9TC trong các HP sau)	9	
1	Kế toán quản trị đơn vị công	3	36,18
2	Kiểm toán ngân sách Nhà nước	3	36,18
3	Kế toán công 2	3	36,18
4	Chuẩn mực kế toán công quốc tế	3	36,18
5	Thị trường chứng khoán	3	36,18
6	Bảo hiểm	3	36,18
7	Kiểm toán nội bộ	3	36,18
8	Quản trị dịch vụ	3	36,18
9	Thanh toán điện tử	3	36,18
2.4	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10	
1	Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp	3	0,90
2	Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp	7	0,210
	Tổng cộng	131	

Ghi chú: Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ với 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh. Trong 120 TC học tập và tốt nghiệp có 90 tín chỉ bắt buộc và 30 tín chỉ tự chọn

8.2. Mô tả các học phần (có phụ lục kèm theo)

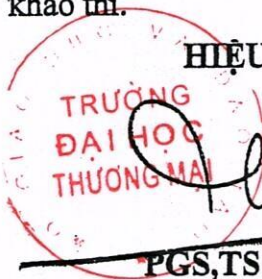

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình


TT	Kỳ học	Học phần	BB/TC	Số TC
	Kỳ I			14
1		Triết học Mác - Lê Nin	BB	3
2		Tiếng Anh 1	BB	2
3		Lý thuyết xác suất và thống kê toán	BB	3
4		Kinh tế vi mô 1	BB	3
5		Kinh tế công cộng	BB	3
	Kỳ II	<i>Chọn 5 tín chỉ trong các HP tự chọn</i>		16
1		Chủ nghĩa xã hội khoa học	BB	2
2		Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	BB	2
3		Pháp luật đại cương	BB	2
4		Tiếng Anh 2	BB	2
5		Lịch sử các học thuyết kinh tế	TC	2
6		Xã hội học đại cương	TC	2
7		Cơ sở văn hóa Việt Nam	TC	2
8		Giáo dục thể chất chung	BB	1
9		Tiếng Anh chuyên ngành 1	BB	2
10		Nguyên lý thống kê	TC	3
11		Luật kinh tế 2	TC	3
	Kỳ hè năm 1	Giáo dục quốc phòng - an ninh	BB	8
	Kỳ III	<i>Chọn 7 tín chỉ trong các HP tự chọn</i>		16
1		Kinh tế vĩ mô 1	BB	3
2		Bóng ném	TC	1
3		Bóng rổ	TC	1
4		Bóng bàn	TC	1
5		Nhập môn tài chính tiền tệ	BB	3
6		Nguyên lý kế toán	BB	3
7		Kế toán công 1	TC	3
8		Kiểm toán căn bản	TC	3
9		Tài chính vi mô	TC	3

	Kỳ IV	<i>Chọn 5 tín chỉ trong các HP tự chọn</i>		18
1		Tư tưởng Hồ Chí Minh	BB	2
2		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	BB	2
3		Kinh tế lượng	BB	3
4		Tin học quản lý	BB	3
5		Bóng chuyền	TC	1
6		Cờ vua	TC	1
7		Các phương pháp và mô hình dự báo KTXH	TC	2
8		Luật hành chính	TC	2
9		Kinh tế phát triển	TC	2
10		Chính sách công	TC	2
11		Chuyển đổi số trong kinh doanh	TC	2
12		Quản trị tài chính 1	BB	3
	Kỳ V	<i>Chọn 6 tín chỉ trong các HP tự chọn</i>		16
1		Tiếng Anh 3	BB	2
2		Phương pháp nghiên cứu khoa học	BB	2
3		Quản lý tài chính các tổ chức phi lợi nhuận	BB	3
4		Định giá tài sản	BB	3
5		Quản lý tài chính an sinh xã hội	TC	3
6		Kế toán quản trị đơn vị công	TC	3
7		Kiểm toán ngân sách Nhà nước	TC	3
8		Thị trường chứng khoán	TC	3
9		Quản trị NHTM 1	TC	3
10		Chuẩn mực kế toán công quốc tế	TC	3
	Kỳ VI	<i>Chọn 6 tín chỉ trong các HP tự chọn</i>		16
1		Tiếng Anh chuyên ngành 2	BB	2
2		Tài chính công	BB	3
3		Thuế	BB	3
7		Hệ thống thông tin quản lý	BB	2
5		Bảo hiểm	TC	3
6		Tài chính quốc tế	TC	3

7		Quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng	TC	3
8		Thị trường ngoại hối	TC	3
9		Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu	TC	3
	Kỳ VII	<i>Chọn 3 tín chỉ trong các HP tự chọn</i>		17
1		Nghiệp vụ Kho bạc nhà nước	BB	3
2		Quản lý Ngân sách Nhà nước	BB	3
3		Quản lý tài chính dự án đầu tư công	BB	3
4		Quản lý tài sản công	BB	3
5		Chính phủ điện tử	BB	2
6		Kế toán công 2	TC	3
7		Kiểm toán nội bộ	TC	3
8		Quản trị dịch vụ	TC	3
9		Thanh toán điện tử	TC	3
	Kỳ VIII	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học		10
1		Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp	BB	3
2		Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp	BB	7

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá chương trình đào tạo được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.


HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG KHOA

PGS, TS Lê Thị Kim Nhung

PHỤ LỤC
MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG

Mục tiêu và tóm tắt nội dung chính của các học phần trong chương trình đào tạo

TT	Tên học phần	Mục tiêu của học phần	Mô tả vắn tắt nội dung học phần
1.1	Giáo dục đại cương		
1.1.1	Các học phần bắt buộc		
1	Triết học Mác - Lênin	Học phần Triết học Mác-Lênin nhằm giúp cho sinh viên nắm vững thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng và quan điểm duy vật về lịch sử của triết học Mác - Lênin. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng vận dụng sáng tạo những tri thức triết học Mác - Lênin vào trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.	Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần trang bị những tri thức khoa học để luận giải sự ra đời tất yếu của CNXH, những nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện trong quá trình xây dựng CNXH nói chung và ở Việt Nam nói riêng; cung cấp những căn cứ khoa học để phản biện những nhận thức sai lệch và sự chống phá của các thế lực thù địch. Thông qua học phần xây dựng	Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và các vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối

		<p>và củng cố niềm tin lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cho người học; tạo niềm tin vững chắc vào con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, từ đó góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta.</p>	<p>xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.</p>
3	<p>Tư tưởng Hồ Chí Minh</p>	<p>- <i>Mục tiêu chung:</i> Truyền thụ cho sinh viên nội dung hệ thống quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Làm cho người học nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, làm cho tư tưởng của Người ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của thế hệ trẻ nước ta.</p> <p>- <i>Mục tiêu cụ thể:</i> Nghiên cứu, học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh để bồi dưỡng, củng cố cho sinh viên lập trường, quan điểm cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, thông qua môn học nâng cao lòng yêu nước, tinh thần tự lực, tự cường; đạo đức cách mạng và tinh thần phục vụ nhân dân; cải tiến phương pháp và phong cách công tác, đổi mới và sáng tạo trong hoạt động thực tiễn, góp phần đưa sự nghiệp đổi</p>	<p>Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.</p>

		mới của Đảng và dân tộc đi đến thắng lợi.	
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới - Giúp người học hiểu và nhận thức được những quy luật chi phối sự sản xuất, trao đổi sản phẩm trong đời sống kinh tế - xã hội. Tạo lập cơ sở khoa học, nền tảng lý luận, phương hướng cho sự hình thành các chính sách kinh tế, định hướng chiến lược cho sự phát triển kinh tế nói riêng và thúc đẩy văn minh xã hội nói chung. - Giúp người học hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam. - Góp phần giúp sinh viên hình thành trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm sau khi ra trường. Đồng thời xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin với sinh viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. - Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). - Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. - Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. - Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. - Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Mục tiêu chung:</i> Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Qua đó nâng cao nhận thức, giáo dục 	<p>Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh</p>

	<p>lý tưởng cho sinh viên; góp phần củng cố, bồi đắp niềm tin của thế hệ trẻ vào sự lãnh đạo của Đảng.</p> <p>- <i>Mục tiêu cụ thể:</i> Giúp sinh viên hiểu được quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; cơ sở hình thành và nội dung đường lối của Đảng; cũng như quá trình Đảng lãnh đạo thực hiện đường lối đó từ thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến thời kỳ cách mạng XHCN. Củng cố và phát triển cho sinh viên năng lực tư duy lịch sử, khả năng vận dụng kiến thức đã học vào lý giải các vấn đề thực tiễn. Bồi dưỡng niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</p>	<p>giành chính chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.</p>
6	<p>Pháp luật đại cương</p> <p>Là học phần bắt buộc trong chương trình học của sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau của Trường Đại học Thương mại (trừ chuyên ngành Luật kinh tế). Học phần nhằm giới thiệu cho người học một số nội dung cơ bản về Nhà nước và Pháp luật, có sự liên hệ thực tiễn với Nhà nước và pháp luật CHXHCN Việt Nam. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của một số ngành luật khác như Luật Dân sự, Luật Hình sự và Luật Hành chính, Luật Phòng chống tham nhũng.</p>	<p>Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của sinh viên, thuộc khối kiến thức đại cương dành cho các chuyên ngành đào tạo trừ chương trình đào tạo của ngành Luật kinh tế. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp</p>

			<p>luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng</p>
7	Tiếng Anh 1	<p>- <i>Mục tiêu chung:</i> Sau khi học xong học phần này, người học được tổng hợp và củng cố lại những kiến thức cơ bản về một số chủ điểm ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh, đồng thời phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết. Học phần cung cấp cho người học cơ hội giao tiếp dựa trên các tình huống cụ thể giúp người học được thực hành và giúp họ bước đầu hình thành tư duy phản biện bằng tiếng Anh.</p> <p>- <i>Mục tiêu cụ thể:</i></p>	<p>Học phần “<i>Tiếng Anh 1</i>” gồm 4 bài đầu của giáo trình “<i>Life (A2-B1)</i>” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia</p>

		<p>Người học giải thích và phân biệt được các cấu trúc, cách sử dụng, các dấu hiệu nhận biết các hiện tượng ngữ pháp như thời hiện tại đơn, thời hiện tại tiếp diễn, -ing form, tính từ so sánh hơn và so sánh nhất, thời quá khứ đơn, thời quá khứ tiếp diễn.</p> <p>Người học ghi nhớ được các từ vựng có liên quan đến các chủ đề như: Lối sống; Các cuộc thi đấu (Các môn thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi); Sở thích; Giao thông; Các thử thách, đồng thời vận dụng được các hiện tượng ngữ pháp, các từ vựng vào các tình huống đơn giản nhằm phục vụ cho việc giao tiếp Tiếng Anh nói chung cũng như tiếng Anh phục vụ công việc sau này.</p> <p>Người học thực hành kỹ năng thuyết trình tiếng Anh và làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, chuẩn bị tốt cho việc học tập tiếng Anh ở các học kỳ sau.</p>	trên thế giới.
8	Tiếng Anh 2	<p>- <i>Mục tiêu chung:</i></p> <p>Học phần giúp sinh viên củng cố lại những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh, phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết, bước đầu hình thành tư duy phản biện bằng tiếng Anh.</p> <p>- <i>Mục tiêu cụ thể:</i></p> <p>Học phần giúp sinh viên rèn luyện 4 kỹ năng tiếng Anh cơ bản (Nghe, Nói, Đọc, Viết),</p>	<p>Học phần “<i>Tiếng Anh 2</i>” sử dụng bài 5,6,7,8 trong giáo trình “<i>Life (A2-B1)</i>” của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc</p>

		<p>củng cố kiến thức ngữ pháp về các cách diễn đạt hành động trong tương lai, phân biệt thời hiện tại hoàn thành và thời quá khứ đơn, câu điều kiện loại 0 và loại 1, mệnh đề quan hệ, v.v. và cung cấp từ vựng chung liên quan đến các chủ đề như: Môi trường; Các giai đoạn trong cuộc đời; Công việc; Công nghệ; giải quyết các tình huống đơn giản nhằm phục vụ cho việc giao tiếp Tiếng Anh nói chung cũng như tiếng Anh phục vụ công việc sau này như: đặt hàng qua điện thoại, lời mời, chấp nhận và từ chối lời mời, phỏng vấn việc làm, v.v. Ngoài ra, sinh viên thực hành kỹ năng thuyết trình tiếng Anh và làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, chuẩn bị tốt cho việc học tập tiếng Anh ở các học kỳ sau.</p>	<p>sống xã hội. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.</p>
9	Tiếng Anh 3	<p>Học phần trang bị kiến thức nền tảng về ngữ pháp, các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng nhằm giúp sinh viên đạt được trình độ B1, tạo nền tảng để sinh viên có thể học các học phần tiếp theo và có khả năng giao tiếp trong các tình huống kinh doanh thương mại trong môi trường công việc tương lai.</p>	<p>Học phần được xây dựng dựa trên cuốn “Life” – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ điểm: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên.</p> <p>Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2.</p> <p>Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp;</p>

			viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiêu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ điểm đã được học.
10	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về biến cố, xác suất của biến cố, các công thức tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, các số đặc trưng chính của đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết ước lượng, lý thuyết kiểm định, và các bài toán ứng dụng các kiến thức này trong thực tiễn, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế - xã hội. Từ đó, giúp người học phát triển tư duy logic và sử dụng các công cụ toán học cơ bản để tiếp thu kiến thức trong các học phần tiếp theo như: Nguyên lý thống kê, Kinh tế lượng, Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế - xã hội, Quản trị rủi ro, ... Hơn nữa, học phần còn giúp người học bước đầu tiếp cận phương pháp định lượng đối với các vấn đề kinh tế - xã hội.	Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở trong chương trình đào tạo của nhiều chuyên ngành. Học phần được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng liên quan chặt chẽ về nội dung: + Phần lý thuyết xác suất cung cấp các kiến thức về phép thử ngẫu nhiên, biến cố, xác suất của biến cố, các định lý xác suất; đại lượng ngẫu nhiên và các quy luật phân phối xác suất, các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên, một số phân phối thường gặp trong thực tế. + Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: cơ sở lý thuyết mẫu, các bài toán ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê.
11	Kinh tế lượng	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản để phân tích định lượng mối quan hệ giữa các biến số kinh tế - xã hội bằng cách sử dụng mô hình hồi quy. Sinh viên được cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy, cách phân tích độ phù hợp về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế	Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản của kinh tế lượng, các nội dung cơ bản của phân tích hồi quy (ước lượng hệ số hồi quy, xác định khoảng tin cậy và kiểm định giả thuyết về các hệ số hồi quy, đánh giá độ phù hợp mô hình, dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt cho biến phụ thuộc) trong mô hình hồi quy hai biến, mô hình hồi quy

		<p>của mô hình nhằm đưa ra các dự báo hữu ích. Người học cũng được cung cấp các kỹ năng thực hành trong phân tích hồi quy và có thể thực hiện các kỹ thuật phân tích hồi quy cơ bản với sự trợ giúp của các phần mềm chuyên dụng. Đây là kiến thức nền tảng hoặc hỗ trợ cho các học phần khác như: Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế - xã hội, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, ...</p>	<p>nhiều biến và mô hình hồi quy với biến giả. Bên cạnh đó, học phần còn chỉ ra các phương pháp phát hiện và khắc phục những khuyết tật của mô hình liên quan đến các giả thiết cơ bản của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển, các tiêu chuẩn lựa chọn mô hình và kiểm định việc chỉ định mô hình.</p>
12	Tin học quản lý	<p>- <i>Mục tiêu chung</i>: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về tin học để quản lý công việc, học tập.</p> <p>- <i>Mục tiêu cụ thể</i>:</p> <p>+ CO1 (Kiến thức): Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về tin học (phần cứng và phần mềm), máy tính điện tử, hệ điều hành Windows, mạng máy tính và các thao tác sử dụng phần mềm tin học văn phòng (Word, PowerPoint, Excel).</p> <p>+ CO2 (Kỹ năng): Sinh viên có khả năng vận dụng một số thao tác cơ bản và nâng cao để soạn thảo văn bản, phân tích dữ liệu, tổng hợp, thống kê, trình chiếu,..</p> <p>+ CO3 (Về mức độ tự chủ và trách nhiệm): Sinh viên có tinh thần lao động say mê, sáng tạo; ý thức tự giác, nhiệt tình trong</p>	<p>Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị HTTT, cung cấp các kiến thức cơ bản và nền tảng cho việc nghiên cứu và học tập các học phần chuyên ngành như: cơ sở lập trình, cơ sở dữ liệu,...Ngoài ra đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Đồng thời còn củng cố các kiến thức cho các môn học chuyên ngành. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), Trình diễn văn bản (PowerPoint), Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.</p>

		công việc; có ý thức trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.	
13	Phương pháp nghiên cứu khoa học	<p>- Mục tiêu chung: Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, trên cơ sở đó sinh viên có thể hình thành kỹ năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu nhằm thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và viết khóa luận tốt nghiệp.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể</p> <p>+ Sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học</p> <p>+ Sinh viên hình thành các kỹ năng thiết kế, triển khai, thu thập, phân tích, tổng hợp dữ liệu, viết và trình bày báo cáo nghiên cứu.</p> <p>+ Sinh viên rèn luyện phẩm chất đạo đức tốt, hoàn thành tốt các trách nhiệm công dân; hình thành thái tích cực, chủ động và trung thực trong hoạt động nghiên cứu khoa học</p>	Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.
1.2	Các học phần tự chọn		
1	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Giúp người học nhận thức đầy đủ các vấn đề cơ bản của kinh tế thị trường; tiếp cận với các lý thuyết tăng trưởng và phát triển kinh tế, thương mại quốc tế. Từ đó có cơ sở để học tốt các môn khoa học kinh tế khác, đặc biệt	- Trình bày hoàn cảnh xuất hiện, đặc điểm, phương pháp luận và nội dung các học thuyết của các trường phái kinh tế trong lịch sử, đặc biệt là các vấn đề lý luận về kinh tế thị trường, từ Chủ nghĩa Trọng thương (giữa thế kỷ XV) đến nay.

		<p> nghiên cứu các môn kinh tế ngành, chuyên ngành đào tạo.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu vai trò của Nhà nước (Chính phủ) trong nền kinh tế thị trường. - Giải thích các lý thuyết tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển. Liên hệ với mô hình tăng trưởng kinh tế nước ta. - Phân tích tư tưởng thương mại quốc tế của phái trọng thương, trọng nông, A.Smith, D.Ricardo và các nhà kinh tế khác để chỉ ra cơ sở, nguyên tắc, nội dung của trao đổi thương mại quốc tế. - Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.
2	Xã hội học đại cương	<p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học đại cương: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học; mối quan hệ giữa xã hội học và các ngành khoa học; các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu xã hội học; các lý thuyết, khái niệm xã hội học; một số vấn đề chuyên biệt của xã hội học. Sinh viên hiểu các khái niệm, các luận điểm cơ bản của các cách tiếp cận xã hội học; biết cách vận dụng kiến thức xã hội học để tiến hành một cuộc điều tra xã hội học; nắm vững cơ sở lý luận và phương pháp luận để phân tích, lý giải các hiện tượng của đời sống xã hội dưới góc độ xã hội học.</p>	<p>Học phần Xã hội học đại cương được kết cấu thành 7 chương trong đó, chương 1 giới thiệu đối tượng, cơ cấu, chức năng và sơ lược lịch sử và các lý thuyết xã hội học. Chương 2 của học phần đề cập đến phương pháp nghiên cứu xã hội học. Các chương còn lại của học phần tập trung vào các chủ đề cơ bản của xã hội học theo logic từ hành động xã hội đến nhóm cơ cấu, tổ chức và thiết chế xã hội; từ văn hóa, xã hội hóa đến sai lệch và kiểm soát xã hội; từ bất bình đẳng, phân tầng, di động xã hội đến biến đổi xã hội và toàn cầu hóa.</p>

3	Cơ sở văn hóa Việt Nam	<p>- Mục tiêu chung:</p> <p>Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về cơ sở văn hoá Việt Nam; vận dụng được những đặc trưng văn hóa của các vùng văn hóa Việt Nam trong xây dựng sản phẩm du lịch, góp phần giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa đồng thời thể hiện trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể:</p> <p>+ Sinh viên phân tích được các nội dung cơ bản của văn hóa, các thành tố văn hóa, tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam, những đặc trưng văn hóa của các vùng văn hóa Việt Nam và vận dụng trong xây dựng sản phẩm du lịch.</p> <p>+ Sinh viên có khả năng trình bày, thuyết phục, phản biện và bảo vệ vấn đề.</p> <p>+ Sinh viên thể hiện được các trách nhiệm cần có đối với cộng đồng và xã hội.</p>	<p>Học phần Cơ sở văn hoá Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (<i>Định hướng nghề nghiệp</i>) và Quản trị khách sạn (<i>Định hướng nghề nghiệp</i>). Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về cơ sở văn hoá Việt Nam; các thành tố của văn hoá Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hoá Việt Nam; văn hoá Việt Nam vùng Tây Bắc, Việt Bắc và châu thổ Bắc Bộ; văn hoá Việt Nam vùng Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ.</p>
1.2	Giáo dục thể chất	<p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn học Giáo dục thể chất. Trên cơ sở đó giúp sinh viên lựa chọn cho mình phương pháp rèn luyện thể chất phù hợp nhằm tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực, phòng ngừa các chấn thương trong tập luyện.</p>	<p>Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất, cách phòng ngừa chấn thương, kiểm tra đánh giá thể lực trong tập luyện TDTT, phương pháp rèn luyện thể chất.</p>

1.3	Giáo dục quốc phòng		
2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		
2.1	Kiến thức cơ sở ngành		
2.1.1	Các học phần bắt buộc		
1	Kinh tế vi mô 1	<p>- <i>Mục tiêu chung:</i> Học phần trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản về kinh tế vi mô để sinh viên hiểu được cơ sở của việc ra các quyết định kinh tế tối ưu của người tiêu dùng và hãng sản xuất</p> <p>- kinh doanh trong điều kiện nguồn lực có hạn.</p> <p>- <i>Mục tiêu cụ thể:</i> Trang bị cho sinh viên những căn cứ khoa học về hành vi của các tác nhân trong nền kinh tế như người tiêu dùng, doanh nghiệp và Chính phủ. Từ đó, giúp sinh viên hiểu được cơ chế hoạt động của thị trường trong việc hình thành giá cả của hàng hoá - dịch vụ và phân bổ nguồn lực có hạn cho các mục tiêu sử dụng khác nhau. Giúp sinh viên hiểu được hành vi và các quyết định của người tiêu dùng, nhà sản xuất; hiểu được các điều kiện, nguyên tắc hoạt động của các cấu trúc thị trường khác nhau; và những vấn đề cơ bản về thị trường các yếu tố của sản xuất. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể vận dụng các kiến thức vào việc giải thích được các vấn đề mang tính thực tiễn như chi phí cơ hội, sự thay đổi cung</p>	<p>Kinh tế vi mô là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.</p>

		cầu, các nguyên tắc quyết định tối ưu trong tiêu dùng và sản xuất.	
2	Kinh tế vĩ mô 1	<p>- <i>Mục tiêu chung:</i></p> <p>Học phân trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô để sinh viên hiểu được các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản và nắm được nội dung tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến hoạt động của nền kinh tế.</p> <p>- <i>Mục tiêu cụ thể:</i></p> <p>Mục tiêu về kiến thức: Hiểu được nguyên lý của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố ảnh hưởng đến sản lượng, việc làm, giá cả, lãi suất, tỷ giá hối đoái, lạm phát và thất nghiệp cũng như nguyên lý về chu kỳ kinh tế; nắm được nội dung và có khả năng phân tích tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô mà trung tâm là chính sách tài khoá và tiền tệ đối với tăng trưởng, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất và tỷ giá hối đoái.</p> <p>Mục tiêu về kỹ năng: Phát triển các kỹ năng phân tích kinh tế thông qua mô hình, kỹ năng tư duy logic, kỹ năng phân tích tổng thể, kỹ năng trình bày và thuyết trình các vấn đề kinh tế.</p>	<p>Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phân khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả... Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khoá, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Kế đến học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế với các mối quan hệ của thất nghiệp và lạm phát trong ngắn hạn và dài hạn. Cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở với thị trường trường ngoại hối và tác động của chính sách tài khoá và tiền tệ đến các mục tiêu kinh tế vĩ mô.</p>
3	Nhập môn tài chính tiền tệ	Sau khi hoàn thành học phần, người học hiểu được những kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, hệ thống tài chính và sự vận hành các khâu tài chính trong hệ	Học phần đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các

	<p>thống tài chính quốc gia làm tiền đề giúp cho người học có thể đi vào nghiên cứu các học phần chuyên ngành về tài chính, ngân hàng, kinh tế, kế toán – kiểm toán, quản trị kinh doanh, kinh doanh thương mại,...; vận dụng kiến thức đã học để phát hiện, giải thích, phân tích, đánh giá các vấn đề tài chính - tiền tệ; hình thành kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; có thái độ nghiêm túc, làm việc tích cực, tinh thần tự học trong thực hiện các nhiệm vụ của học phần.</p>	<p>khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính Doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.</p>
4	<p>Kinh tế công cộng</p> <p>- <i>Mục tiêu chung</i>: trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản để hiểu được sự cần thiết, vai trò của Chính phủ, cơ sở khoa học của các quyết định, chính sách của Chính phủ. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức lý thuyết để phân tích và giải thích có căn cứ khoa học về cách thức can thiệp của Chính phủ, phần nào dự đoán được các chính sách có thể được ban hành của một Chính phủ hiện đại trong thực tế.</p> <p>- <i>Mục tiêu cụ thể</i>: trang bị cho sinh viên những căn cứ khoa học về sự can thiệp của Chính phủ vào nền kinh tế thị trường. Từ đó giúp sinh viên hiểu và lý giải được những chính sách của Chính phủ trong thực tế nhằm</p>	<p>Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản gồm: bản chất, nội dung của khu vực công cộng và tính quy luật phát triển của nó trong mối quan hệ hữu cơ với khu vực tư nhân; những thất bại của thị trường làm cơ sở đề xuất các giải pháp can thiệp của Chính phủ; đánh giá các chính sách can thiệp của Chính phủ theo tiêu chuẩn hiệu quả kinh tế và đảm bảo công bằng xã hội cũng như tác động của những chính sách này tới lợi ích của các đối tượng khác nhau trong xã hội.</p>

		khắc phục những thất bại của thị trường trong việc cung cấp hàng hoá công cộng, độc quyền, ngoại ứng, thông tin bất cân xứng và tình trạng bất bình đẳng. Nắm được những nguyên lý căn bản của hai công cụ chủ yếu mà Chính phủ sử dụng để can thiệp vào nền kinh tế, đó là thuế và trợ cấp.	
5	Các Phương pháp và mô hình dự báo KTXH	Cung cấp cho sinh viên các nguyên tắc cơ bản của dự báo và cách thức giải quyết các bài toán dự báo kinh tế - xã hội dựa vào các mô hình hồi quy, các kỹ thuật phân tích và dự báo trên chuỗi thời gian.	Phương pháp dự báo dựa trên mô hình hồi quy nhiều biến (dự báo giá trị trung bình và giá trị cá biệt), các kỹ thuật phân tích và dự báo trên chuỗi thời gian (các kỹ thuật san, phương pháp Box-Jenkins).
6	Nguyên lý kế toán	Đào tạo sinh viên có kiến thức lý thuyết toàn diện về nguyên lý kế toán, làm cơ sở cho học tập, nghiên cứu các vấn đề cụ thể của kế toán doanh nghiệp, kế toán đơn vị sự nghiệp và kiểm toán; trang bị cho sinh viên các kỹ năng cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể thuộc lĩnh vực chuyên môn kế toán trong các đơn vị kế toán.	Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về kế toán như: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của kế toán, nội dung đối tượng của kế toán, các phương pháp kế toán: chứng từ, tài khoản, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán và vận dụng trong kế toán các hoạt động chủ yếu của đơn vị kế toán.
7	Tiếng Anh chuyên ngành 1	Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng chuyên ngành, kiến thức ngữ pháp và cơ hội rèn luyện các kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ trung cấp (intermediate) để có thể giao tiếp tương đối thành thục bằng tiếng Anh trong môi trường kinh doanh thương mại.	Học phần <i>Tiếng Anh chuyên ngành 1</i> được thiết kế đặc thù dành cho các sinh viên đã hoàn thành 3 học phần tiếng Anh cơ sở theo chương trình đào tạo chung của nhà trường. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội

			<p>rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.</p>
8	Tiếng Anh chuyên ngành 2	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng chuyên ngành, kiến thức ngữ pháp và cơ hội rèn luyện các kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ trên trung cấp (upper-intermediate) để có thể giao tiếp thành thạo bằng tiếng Anh trong môi trường kinh doanh thương mại</p>	<p>Học phần <i>Tiếng Anh chuyên ngành 2</i> là sự tiếp nối học phần <i>Tiếng Anh chuyên ngành 1</i> được thiết kế theo định hướng ngôn ngữ thương mại. Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp. Nội dung học phần xoay quanh các chủ điểm trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại. Người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ thông qua nhiều hoạt động khác nhau trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên và được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động tự học trước và sau giờ học.</p>
2.1.2	Các học phần tự chọn (Chọn 5 TC trong các HP sau)		
1	Nguyên lý thống kê	<p>Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản, chuyên sâu của thống kê học, sau khi học xong sinh viên có thể : vận dụng kiến thức cơ bản, chuyên sâu của thống kê học để giải quyết một vấn đề cụ thể thuộc chuyên môn kế toán; hình thành kỹ năng cần thiết để giải quyết vấn đề liên quan tới hoạt động thống kê</p>	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên những lý luận cơ bản về khoa học thống kê, các phương pháp thống kê bao gồm: Phương pháp thu thập và xử lý thông tin; phương pháp tính toán các chỉ tiêu đo lường hiện tượng kinh tế xã hội, phương pháp phân tích mối liên hệ, phân tích biến động của hiện tượng theo thời gian, không gian và các phương pháp dự đoán thống kê.</p>

		<p>trong đơn vị; sử dụng được kỹ năng phản biện, phê phán để đề xuất giải pháp thay thế liên quan đến công tác thống kê trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi; kết hợp các kỹ năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn trong đơn vị.</p>	
2	Kiểm toán căn bản	<p>Trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết cơ bản và toàn diện về kiểm toán làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu các loại kiểm toán cụ thể. Sau khi học xong học phần sinh viên sẽ có kiến thức, kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp, kỹ năng thực hành nghề nghiệp kiểm toán để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giải quyết các vấn đề phức tạp của hoạt động kế toán, kiểm toán trong các đơn vị, tổ chức.</p>	<p>Học phần Kiểm toán căn bản cung cấp kiến thức lý luận cơ bản về kiểm toán như: phân loại kiểm toán, các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán, qui trình và phương pháp kiểm toán, tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán.</p>
3	Luật kinh tế 2	<p>Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng đáp ứng thực hiện công việc liên quan đến pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh tế.</p>	<p>Đây là học phần tự chọn của các chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý kinh tế, Tài chính ngân hàng thương mại và Tài chính công của Trường đại học Thương mại. Học phần cung cấp kiến thức pháp lý chung điều chỉnh các hoạt động thương mại phổ biến như mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ... và một số hoạt động thương mại đặc thù như nhượng quyền thương mại, gia công hàng hóa, đấu thầu, đấu giá; các chế tài được áp dụng khi một bên có hành</p>

			vi phạm; các phương thức giải quyết tranh chấp giữa các bên trong kinh doanh thương mại. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo này nhằm giúp người học đạt được mục tiêu của chương trình đào tạo.
4	Luật hành chính	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngành luật hành chính, quản lý hành chính nhà nước; vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp đảm bảo thực hiện pháp luật trong quản lý hành chính nhà nước.	Học phần tập trung nghiên cứu những nội dung pháp lý cơ bản trong lĩnh vực hành chính nhà nước gồm: Những vấn đề lí luận cơ bản về luật hành chính; Các nguyên tắc cơ bản của quản lý hành chính nhà nước; hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước; Thủ tục hành chính; Quyết định hành chính; Địa vị pháp lý hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước; Địa vị pháp lý hành chính của cán bộ, công chức nhà nước; Địa vị pháp lý hành chính của các tổ chức xã hội; Địa vị pháp lý hành chính của công dân, người nước ngoài; Vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính.
5	Kinh tế phát triển	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu chung: Trang bị những kiến thức cơ bản về một số lĩnh vực và chính sách phát triển quan trọng của một quốc gia, đồng thời giới thiệu những chính sách cụ thể liên quan đến phát triển của Việt nam. - Mục tiêu cụ thể: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về các vấn đề liên quan đến tăng trưởng và phát triển kinh tế (nội 	Học phần giới thiệu lý thuyết cơ bản về phát triển kinh tế và vận dụng vào thực tiễn các nước đang phát triển. Bản chất của tăng trưởng và phát triển kinh tế, những vấn đề phát triển kinh tế được đặt ra với các nước đang phát triển. Tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quan hệ giữa tăng trưởng và phúc lợi con người. Các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế : lao động, vốn, công nghệ kỹ thuật.

		<p>hàm của các vấn đề tăng trưởng và phát triển, tiêu thức đánh giá tăng trưởng và phát triển kinh tế, các mô hình tăng trưởng kinh tế); các vấn đề khó khăn mà các nước đang phát triển đối mặt (nghèo đói, bất bình đẳng, cơ cấu kinh tế mất cân đối, mức sống thấp...); Đồng thời làm rõ vai trò và phương thức tác động của các yếu tố kinh tế đối với quá trình tăng trưởng kinh tế và phát triển của một quốc gia.</p>	<p>Các chính sách phát triển kinh tế : chính sách phát triển nông thôn, chính sách công nghiệp hoá và sự vận dụng vào đường lối phát triển kinh tế của Việt nam.</p>
6	<p>Chính sách công</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu chung: Trang bị những kiến thức cơ bản về một số lĩnh vực và chính sách công của một quốc gia, đồng thời giới thiệu những chính sách cụ thể liên quan đến phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của Việt nam. - Mục tiêu cụ thể: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính sách công như nghiên cứu các khái niệm, đặc trưng, vai trò và phân loại chính sách công. Học phần tập trung phân tích các chu trình của chính sách công; nghiên cứu cụ thể các chính sách kinh tế, văn hóa và xã hội trong chính sách công. Tiếp đến, học phần giúp người học hiểu về bối cảnh của chính sách công để phân tích thực tiễn và đổi mới chính sách công ở Việt Nam. 	<p>Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính sách công như nghiên cứu các khái niệm, đặc trưng, vai trò và phân loại chính sách công. Học phần tập trung phân tích các chu trình của chính sách công; nghiên cứu cụ thể các chính sách kinh tế, văn hóa và xã hội trong chính sách công. Tiếp đến, học phần giúp người học hiểu về bối cảnh của chính sách công để phân tích thực tiễn và đổi mới chính sách công ở Việt Nam.</p>
2. 2	<p>Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)</p>		

2.2.1		Các học phần bắt buộc	
1	Quản trị tài chính 1	Học phần Quản trị tài chính 1 nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp, giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các tình huống quản trị tài chính doanh nghiệp ở cấp độ tác nghiệp cơ bản.	Nội dung của học phần Quản trị tài chính 1 bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính; Giá trị thời gian của tiền; Phân tích báo cáo tài chính; Quản trị vốn lưu động; Quản trị đầu tư dài hạn; Quản trị tài trợ; Chi phí sử dụng vốn.
2	Quản trị NHTM 1	Mục tiêu chung: sau khi kết thúc học phần, người học nắm vững kiến thức cơ bản, phương pháp và kỹ năng quản trị các hoạt động kinh doanh theo chức năng chính của NHTM; có năng lực tự chủ và trách nhiệm, thái độ nghiêm túc, tích cực trong giải quyết tình huống tác nghiệp trong thực tiễn.	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị vốn chủ sở hữu, vốn tiền gửi và vốn phi tiền gửi; quản trị kết hợp tài sản - nợ và khả năng thanh khoản; quản trị hoạt động cho vay và quản trị dịch vụ thanh toán của NHTM.
3	Tài chính công	Sau khi hoàn thành học phần, người học hiểu được những kiến thức cơ bản về tài chính công, hệ thống ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính ngoài ngân sách và tài sản công; vận dụng kiến thức đã học để phát hiện, giải thích, phân tích, đánh giá các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính công, tính toán được tỉ lệ điều tiết ngân sách nhà nước; tạo cơ hội rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, năng lực tự chủ và trách nhiệm, thái độ nghiêm túc, tích cực trong giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính công.	Học phần giới thiệu các vấn đề cơ bản về hoạt động tài chính ở khu vực công với các nội dung chủ yếu như: các đặc trưng cơ bản và kết cấu tài chính công, chức năng, vai trò và nguyên tắc hoạt động của tài chính công; quản lý tài chính công; chính sách tài chính công; về thu nhập công và chi tiêu công; tổ chức hoạt động của hệ thống Ngân sách nhà nước, các lý thuyết quản lý thu thuế và tác động của thuế đến nền kinh tế xã hội, hoạt động thu - chi của Chính phủ và hiệu ứng của các chính sách; tín dụng Nhà nước; hoạt động của các quỹ tài chính công ngoài Ngân sách Nhà nước; quản lý tài sản công.

4	Thuế	<p>Sau khi học xong học phần, người học hiểu và nắm bắt được các kiến thức lý thuyết cơ bản và chuyên sâu của thuế và hệ thống thuế Việt Nam; vận dụng được các kiến thức để tính toán được tiền thuế phải nộp, xử lý được các vấn đề đặt ra trong từng tình huống thuế; nâng cao ý thức tuân thủ thuế, hình thành kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ của học phần.</p>	<p>Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về thuế như khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế, các yếu tố cơ bản cấu thành một sắc thuế, hệ thống thuế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, học phần đề cập các nội dung cơ bản của các sắc thuế thông dụng hiện hành của Việt Nam như: thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân. Bên cạnh đó, học phần còn giới thiệu các nội dung cơ bản của các loại thuế khác.</p>
5	Nghiệp vụ Kho bạc nhà nước	<p>Sau khi hoàn thành học phần, người học hiểu được những kiến thức cơ bản về các nghiệp vụ của Kho bạc Nhà nước, có khả năng phân tích thông tin để giải quyết tình huống tác nghiệp cụ thể theo chức năng của KBNN, tạo cơ hội rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, kỹ năng làm việc ở các vị trí khác nhau trong hệ thống KBNN, năng lực tự chủ và trách nhiệm, thái độ nghiêm túc, tích cực trong giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực KBNN.</p>	<p>Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ KBNN với các nội dung chủ yếu như: Khái niệm, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của KBNN, phân định chức năng quản lý quỹ NSNN trong hệ thống kho bạc Nhà nước, phân định trách nhiệm giữa các bộ phận trong KBNN; các nguyên tắc tổ chức hệ thống KBNN; Nghiệp vụ quản lý NSNN của KBNN; Tín dụng Nhà nước qua hệ thống KBNN; Điều hòa vốn trong hệ thống KBNN; Nghiệp vụ quản lý ngân quỹ, kho tiền và tài sản khác; Hệ thống mục lục NSNN.</p>
6	Quản lý Ngân sách Nhà nước	<p>Sau khi hoàn thành chương trình học phần, người học hiểu, có khả năng trình bày, tổng hợp và vận dụng được các kiến thức cơ bản về quản lý NSNN. Trên cơ sở đó, có thể phân tích thông tin, xử lý, giải quyết tình huống trong tác nghiệp quản lý thu chi</p>	<p>Học phần giới thiệu các vấn đề cơ bản về hoạt động quản lý, kiểm soát các khoản thu chi NSNN với các nội dung chủ yếu như: khái niệm, đặc điểm, mục tiêu, vai trò và nguyên tắc quản lý NSNN; nội dung quản lý NSNN và tổ chức công tác quản lý NSNN như là tổ chức xây dựng dự</p>

		<p>NSNN, thực hiện chu trình NSNN ở các cơ quan nhà nước các cấp, các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức thụ hưởng NSNN; Thông qua học phần này, người học được rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, rèn luyện khả năng tự chủ và chịu trách nhiệm, thái độ nghiêm túc, tích cực trong giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động quản lý NSNN.</p>	<p>toán Thu-Chi NSNN, tổ chức chấp hành dự toán Thu và các khoản Chi NSNN, Kiểm toán Thu và Quyết toán Chi NSNN; đánh giá công tác quản lý NSNN thông qua các phương pháp và chỉ số chuyên môn.</p>
7	<p>Quản lý tài chính dự án đầu tư công</p>	<p>Học phần cung cấp cho người học các kiến thức lý thuyết cơ bản, chuyên sâu và kiến thức thực tế về quản lý tài chính dự án đầu tư công; giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các vấn đề và tình huống trong quản lý tài chính dự án đầu tư công.</p>	<p>Học phần này được thiết kế nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để hiểu và thảo luận về các nguyên lý lý thuyết và vấn đề thực tế trong phân tích và quản lý tài chính dự án đầu tư ở khu vực công. Học phần sẽ đề cập đến các chủ đề, kết hợp lý thuyết và thực hành cần thiết để hiểu về cơ sở và phương pháp quản lý tài chính dự án đầu tư trong khu vực công. Nội dung chính bao gồm: tổng quan về dự án đầu tư công và quản lý tài chính dự án đầu tư công; phân tích tài chính dự án đầu tư công; phân tích kinh tế dự án đầu tư công, phân tích chi phí – lợi ích; dự toán và quản lý chi phí dự án đầu tư công; quản lý rủi ro dự án đầu tư công.</p>
8	<p>Quản lý tài chính an sinh xã hội</p>	<p>Học phần Quản lý tài chính an sinh xã hội nhằm cung cấp kiến thức, phương pháp và cơ hội rèn luyện kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, thái độ chuyên</p>	<p>Nội dung của học phần Quản lý tài chính an sinh xã hội bao gồm các chủ đề nghiên cứu chính: Tổng quan về quản lý an sinh xã hội; Điều hành tổ chức an sinh xã hội; Lập kế hoạch và</p>

		<p>ngành trong lập, trình duyệt, thuyết trình và triển khai kế hoạch R&D giải quyết các vấn đề trong quản lý tài chính của các tổ chức an sinh xã hội.</p>	<p>đánh giá kết quả; Kiểm soát tài chính tổ chức an sinh xã hội và Quản lý đầu tư của tổ chức an sinh xã hội.</p>
9	<p>Quản lý tài chính các tổ chức phi lợi nhuận</p>	<p>Học phần Quản lý tài chính các tổ chức phi lợi nhuận trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị tài chính các tổ chức phi lợi nhuận (NPOs), giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các tình huống quản trị tài chính các tổ chức phi lợi nhuận (NPOs) ở cấp độ tác nghiệp.</p>	<p>Nội dung của học phần Quản lý tài chính các tổ chức phi lợi nhuận bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản lý tài chính tổ chức phi lợi nhuận; Quản lý thanh khoản; Thiết kế hệ thống báo cáo tài chính; Quản lý ngân sách ngắn hạn; Kế hoạch tài chính dài hạn; Quản lý nợ của tổ chức phi lợi nhuận.</p>
10	<p>Định giá tài sản</p>	<p>Sau khi học xong học phần, người học nắm bắt và vận dụng được các kiến thức lý thuyết cơ bản, chuyên sâu và kiến thức thực tế về định giá tài sản và xác định giá trị doanh nghiệp; rèn luyện các kỹ năng, phương pháp giải quyết vấn đề, năng lực tự chủ, thái độ chuyên nghiệp trong định giá tài sản và xác định giá trị doanh nghiệp.</p>	<p>Học phần đề cập đến các vấn đề chung về định giá tài sản trong nền kinh tế thị trường trên các khía cạnh khái niệm định giá tài sản, đối tượng của định giá tài sản, các nguyên tắc và quy trình chung trong định giá tài sản. Trên cơ sở đó, học phần đề cập đến các nội dung ứng dụng các nguyên tắc và sử dụng các phương pháp cụ thể để định giá bất động sản, định giá máy móc thiết bị, định giá tài sản vô hình và xác định giá trị doanh nghiệp</p>
11	<p>Kế toán công 1</p>	<p>Trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết toàn diện và thực tế về điểm hoạt động, nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán các phần hành cụ thể trong đơn vị hành chính sự nghiệp, giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn tại đơn vị. Sinh viên tốt nghiệp có đủ</p>	<p>Học phần kế toán công 1 thuộc khối kiến thức Chuyên ngành Kế toán công. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về: Đặc điểm của các đơn vị hành chính sự nghiệp; cơ sở và nguyên tắc kế toán trong các đơn vị này; khái quát hệ thống chuẩn mực kế toán công quốc tế và sự tác động đến kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp trong xu thế</p>

		<p>kiến thức, kỹ năng để thực hiện, tổ chức thực hiện và giải quyết các vấn đề của hoạt động kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp.</p>	<p>hội nhập kinh tế quốc tế; những kiến thức về nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán các phân hành cụ thể trong đơn vị hành chính sự nghiệp liên quan đến kế toán tài sản, kế toán thu chi các hoạt động, kế toán nguồn vốn và các quỹ cơ quan, kế toán các khoản thanh toán và những vấn đề chung về báo cáo và phương pháp lập báo cáo kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp</p>
2.2.2	Các học phần tự chọn (Chọn 6 TC trong các HP sau)		
1	<p>Kế toán quản trị đơn vị công</p>	<p>Trang bị cho sinh viên lý luận chung và những kiến thức cơ bản về nguyên tắc, phương pháp kế toán quản trị áp dụng cho các đơn vị thuộc khu vực công để có thể thực hiện các công việc kế toán quản trị và tham gia giám sát, quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn kế toán phục vụ quản trị trong các đơn vị khu vực công.</p>	<p>Học phần kế toán quản trị đơn vị công thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản về: bản chất, vai trò, nội dung và các phương pháp của kế toán quản trị trong đơn vị thuộc khu vực công; lập các dự toán ngân sách; cung cấp thông tin hỗ trợ lập kế hoạch, kiểm soát, chấp hành, quyết toán kế hoạch thu và dự báo thu NSNN, thu HCSN; xác định chi phí và tính giá thành dịch vụ hành chính, sự nghiệp; xác định kết quả hoạt động hành chính, sự nghiệp và hỗ trợ cho việc ra các quyết định trong các đơn vị công.</p>
2	<p>Kiểm toán ngân sách Nhà nước</p>	<p>Trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết toàn diện, kiến thức thực tế vững chắc về kiểm toán ngân sách nhà nước; biết cách vận dụng các kiến thức chuyên môn để giải quyết tốt các tình huống cụ thể trong kế toán, kiểm toán ngân sách. Sau khi học xong học phần sinh viên có</p>	<p>Học phần Kiểm toán ngân sách nhà nước thuộc học phần kiến thức chuyên ngành. Nội dung học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản của kiểm toán ngân sách nhà nước như: tổng quan về ngân sách nhà nước, qui trình kiểm toán ngân sách nhà nước và báo cáo kiểm toán.</p>

		kiến thức kỹ năng để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát các hoạt động về quản lý, kế toán và kiểm toán ngân sách nhà nước.	
3	Chuẩn mực kế toán công quốc tế	Trang bị cho sinh viên lý luận chung và những kiến thức cơ bản về chuẩn mực kế toán công quốc tế để có thể thực hiện các công việc kế toán trong các đơn vị công hiện đang áp dụng chuẩn mực kế toán công quốc tế, tham gia xây dựng, hoàn thiện chuẩn mực kế toán công và các chính sách kế toán công của Việt Nam.	Học phần thuộc chuyên ngành Kế toán công cung cấp những kiến thức cơ bản về: khái niệm, quy trình ban hành chuẩn mực kế toán công quốc tế, cơ sở kế toán áp dụng trong chuẩn mực kế toán công quốc tế, nội dung các chuẩn mực kế toán công quốc tế về tài sản, thu nhập, chi phí và lập báo cáo tài chính trong các đơn vị công.
2.3	Kiến thức bổ trợ		
2.3.1	Các học phần bắt buộc		
1	Tài chính vi mô	Sau khi kết thúc học phần người học được trang bị những kiến thức cơ bản về tài chính vi mô, hoạt động của tổ chức tài chính vi mô; người học vận dụng kiến thức trong thực hiện nghiệp vụ kinh doanh tại tổ chức tài chính vi mô; Người học có năng lực tự chủ và trách nhiệm, có khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc thực tế.	Học phần trình bày khái quát về sự hình thành, phát triển cũng như những đặc trưng, vai trò của hoạt động tài chính vi mô, giới thiệu về tổ chức tài chính vi mô với những nội dung cụ thể về mô hình tổ chức, chức năng và các hoạt động của tổ chức tài chính vi mô như: hoạt động cho vay, hoạt động huy động vốn, hoạt động bảo hiểm... Mặt khác, học phần cũng cung cấp các kiến thức về các nguyên lý và kỹ thuật trong phân tích, đánh giá kết quả hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.
3	Quản lý tài sản công	Sau khi học xong học phần, người học nắm bắt được các kiến thức lý thuyết cơ bản, chuyên sâu và kiến thức thực tế về tài sản công và quản lý tài sản công; Vận dụng được các kiến thức để	Học phần giới thiệu các vấn đề lý thuyết cơ bản về tài sản công và quản lý tài sản công với các nội dung chủ yếu như: khái niệm, đặc điểm, phân loại, vai trò của tài sản công trong nền kinh tế; các nguyên tắc, công cụ, biện

		<p>tham gia thực hiện một phần hoặc toàn bộ phần hành công việc quản lý các loại tài sản công; Nhận dạng, phân tích, đánh giá các tình huống phát sinh trong quản lý, sử dụng tài sản công; Hình thành kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; Có thái độ nghiêm túc, tích cực trong giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý tài sản công.</p>	<p>pháp quản lý, phân cấp quản lý tài sản công; các nguyên lý tổ chức các hoạt động quản lý tài sản công trong khu vực hành chính sự nghiệp, tài sản công trong các doanh nghiệp, tài sản công thuộc kết cấu hạ tầng, tài sản dự trữ nhà nước, tài sản công là đất đai và tài nguyên, tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước và tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước. Bên cạnh đó, học phần còn đề cập đến các nguyên lý quản lý tài chính đối với đất đai và tài nguyên khác, quản lý thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.</p>
4	<p>Hệ thống thông tin quản lý trong đơn vị công</p>	<p>– Mục tiêu chung: Cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về các thành phần trong hệ thống thông tin và ứng dụng các hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các đơn vị công.</p> <p>– Mục tiêu cụ thể: Cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, về hạ tầng công nghệ thông tin và các nguyên tắc trong lựa chọn, ứng dụng hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các đơn vị công. Giới thiệu cơ bản về phát triển và quản trị hệ thống thông tin quản lý trong tổ chức, đi sâu vào giới thiệu, phân tích về các hệ thống thông tin quản lý phổ biến được ứng dụng trong các đơn vị công như quản lý nhân sự, hệ thống thông tin tự động hóa văn phòng v.v.</p>	<p>Học phần trình bày các khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, các thành phần cấu thành và vai trò của hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các đơn vị công; giới thiệu nền tảng các công nghệ được ứng dụng trong hệ thống thông tin quản lý, quy trình, phương pháp và các công cụ được sử dụng để xây dựng hệ thống thông tin, từ đó sinh viên có thể vận dụng các phương pháp và công cụ thể phân tích, thiết kế được hệ thống cũng như quản trị hệ thống thông tin trong đơn vị công. Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu các thành phần và cơ chế hoạt động của các hệ thống thông tin phổ biến trong các tổ chức giúp sinh viên tiếp cận các hệ thống tốt hơn sau khi ra trường.</p>

5	<p>Chính phủ điện tử</p>	<p>- <i>Mục tiêu chung:</i> Trang bị cho sinh viên chuyên ngành quản trị thương mại điện tử những kiến thức căn bản về chính phủ điện tử, một phương thức quản trị nhà nước hiện đại được quan tâm triển khai ứng dụng trên thế giới và tại Việt Nam .</p> <p>- <i>Mục tiêu cụ thể:</i></p> <p>+ Về kiến thức: giúp sinh viên hiểu rõ ý nghĩa, đánh giá được sự cần thiết và khả năng ứng dụng chính phủ điện tử, nội hàm của chính phủ điện tử, việc ứng dụng chính phủ điện tử trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà nước và các tổ chức công.</p> <p>+ Về kỹ năng: Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng ban đầu về phân tích, đánh giá các hoạt động chính phủ điện tử nhằm tìm ra các giải pháp đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng chính phủ điện tử tại các cơ quan nhà nước, các tổ chức công, cũng như hoàn thiện các tương tác doanh nghiệp- nhà nước.</p> <p>+ Về thái độ: Có thái độ chuyên cần ham học hỏi, say mê học tập biết kết hợp nghe giảng trên lớp với tự nghiên cứu, gắn kết lý thuyết với thực tiễn và những trải nghiệm từ thực tế để hoàn thành tốt môn học.</p>	<p>Là học phần bắt buộc thuộc bộ phận kiến thức chuyên ngành quản trị thương mại điện tử. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về chính phủ điện tử, bao gồm: những vấn đề chung về chính phủ điện tử, công nghệ chính phủ điện tử, các ứng dụng chính của chính phủ điện tử trong quản lý nhà nước, cung ứng các dịch vụ công và mua sắm công, xây dựng, triển khai chính phủ điện tử và một số vấn đề khác trong chính phủ điện tử.</p>
2.3.2	Các học phần tự chọn (Chọn 3 TC trong các HP sau)		

1	Tài chính quốc tế	<p>Sau khi kết thúc học phần, người học có kiến thức cơ bản về các quan hệ tài chính quốc tế; Hiểu biết cơ sở pháp lý trong hoạt động tài chính quốc tế, vận dụng kiến thức trong phân tích, đánh giá, ra quyết định phòng ngừa rủi ro hối đoái, kinh doanh ngoại hối, đầu tư quốc tế và lựa chọn nguồn tài trợ; có năng lực tự chủ và trách nhiệm, có khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc thực tế.</p>	<p>Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạt động tài chính diễn ra trên bình diện quốc tế, các định chế tài chính quốc tế, các giao dịch trên thị trường ngoại hối và chính sách điều hành tỉ giá hối đoái, các hoạt động thanh toán, đầu tư, tín dụng và hỗ trợ phát triển chính thức, liên minh thuế quan giữa các quốc gia và cán cân thanh toán quốc tế</p>
2	Bảo hiểm	<p>Học phần Bảo hiểm nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị rủi ro và kinh doanh bảo hiểm, giúp người học có khả năng nghiên cứu và giải quyết các tình huống thực tế trong lĩnh vực bảo hiểm ở cấp độ tác nghiệp.</p>	<p>Nội dung của học phần Bảo hiểm bao gồm các chủ đề nghiên cứu chính: Tổng quan về bảo hiểm; Bảo hiểm an sinh xã hội; Bảo hiểm thương mại; Bảo hiểm con người; Bảo hiểm hàng hóa và bảo hiểm hỏa hoạn; Bảo hiểm vật chất phương tiện vận tải; Bảo hiểm trách nhiệm.</p>
3	Thị trường chứng khoán	<p>Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán (TTCK), hoạt động giao dịch trên TTCK, đăng ký và lưu ký chứng khoán, hoạt động giao dịch TTCK; kỹ năng làm việc nhóm, rèn luyện năng lực nghiên cứu phân tích chứng khoán và TTCK ra quyết định đầu tư; có lòng yêu nghề và có năng lực tự chủ và trách nhiệm, khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc thực</p>	<p>Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán; hoạt động phát hành, niêm yết và giao dịch chứng khoán; hệ thống lưu ký, thanh toán bù trừ và thông tin trên thị trường chứng khoán, các phương pháp phân tích đầu tư chứng khoán; và quản lý Nhà nước đối với TTCK.</p>

		tế trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK.	
4	Thanh toán điện tử	<p>- <i>Mục tiêu chung</i> : Nhằm trang bị cho sinh viên Ngành Thương mại điện tử, chuyên ngành Quản trị thương mại điện tử những kiến thức chuyên sâu và hỗ trợ các Ngành đào tạo như Hệ thống thông tin Quản lý, Tài chính ngân hàng, Kế toán Kiểm toán về các phương thức thanh toán hiện đại được thực hiện trên mạng Internet trong so sánh với các hình thức của thanh toán truyền thống.</p> <p>- <i>Mục tiêu cụ thể</i>:</p> <p>+ Kiến thức: Làm rõ những tương đồng và khác biệt giữa thanh toán điện tử với thanh toán truyền thống, sự khác biệt giữa thanh toán trong TMĐT với các hoạt động thanh toán điện tử khác. Cung cấp những kiến thức chuyên sâu từ đặc điểm, quy trình thực hiện đến các cách thức vận hành của những hệ thống thanh toán điện tử phổ biến nhất hiện nay trên thế giới cho sinh viên Ngành Thương mại điện tử chuyên ngành Quản trị thương mại điện tử.</p> <p>+ Kỹ năng: sử dụng các hình thức thanh toán điện tử, vận dụng trong xây dựng và triển khai các công cụ/hình thức thanh toán điện tử trong doanh nghiệp.</p>	<p>Học phần Thanh toán điện tử là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên sâu của Ngành Thương mại điện tử (TMĐT) và chuyên ngành Quản trị TMĐT. Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu cho sinh viên Quản trị TMĐT về các loại hình thanh toán điện tử, đặc biệt đi chi tiết vào các hình thức thanh toán trên Internet, bao gồm: Các kiến thức tổng quan về Thanh toán điện tử (Lịch sử phát triển, khái niệm, đặc điểm, sự khác biệt giữa thanh toán trong TMĐT với các hoạt động thanh toán điện tử khác, cách thức phân chia các loại hình thanh toán điện tử); Trình bày các loại hình thanh toán chủ yếu trên Internet bao gồm từ thanh toán thẻ, thanh toán bằng ví điện tử, thanh toán giá trị nhỏ (vi thanh toán), chuyển khoản điện tử, thanh toán bằng séc điện tử, thanh toán bằng xuất trình hóa đơn điện tử; Phân tích chi tiết các quy trình thanh toán, cách thức áp dụng và các hình thức bảo mật của thanh toán trong TMĐT.</p>

		<p>+ Thái độ: Có tinh thần lao động say mê, sáng tạo, lòng yêu nghề; ý thức tự giác, nhiệt tình trong công việc; có văn hóa và đạo đức nghề nghiệp trong môi trường TMĐT; có ý thức chấp hành nội quy, quy chế của tổ chức và pháp luật nhà nước.</p>	
5	Kiểm toán nội bộ khu vực công	<p>Trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức thực tế vững chắc về kiểm toán nội bộ trong khu vực công; có kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp về kiểm toán nội bộ. Sau khi học xong học phần sinh viên sẽ có kiến thức, khả năng để lập kế hoạch, thực hiện, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá công tác kiểm toán nội bộ trong các đơn vị thuộc khu vực công.</p>	<p>Học phần Kiểm toán nội bộ khu vực công thuộc học phần kiến thức chuyên ngành. Nội dung học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề quan trọng của kiểm toán nội bộ khu vực công, như: bản chất kiểm toán nội bộ, vai trò chức năng của kiểm toán nội bộ, nội dung và phương pháp kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán nội bộ và kiểm toán nội bộ tại một số loại hình đơn vị thuộc khu vực công. Học phần cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hành nghề nghiệp như lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, đề xuất giải pháp, giám sát, đánh giá hoạt động kiểm toán...áp dụng cho khu vực công</p>
6	Quản trị dịch vụ	<p>- Mục tiêu chung: Học phần Quản trị dịch vụ trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng căn bản về dịch vụ và quản trị hoạt động dịch vụ làm nền tảng giúp sinh viên nghiên cứu chuyên sâu về chuyên ngành đào tạo và nâng cao ý thức rèn luyện để có vị trí việc làm tốt sau khi tốt nghiệp.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể:</p> <p>+ Sinh viên có kiến thức cơ</p>	<p>Học phần Quản trị dịch vụ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành của chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn; là học phần bắt buộc và tự chọn của nhiều chuyên ngành khác. Học phần Quản trị dịch vụ góp phần giúp sinh viên có kiến thức quản trị đối với dịch vụ nói chung và là cơ sở dẫn dắt sinh viên tiếp cận và vận dụng quản trị chuyên sâu đối với lĩnh vực dịch vụ cụ thể - đó là quản trị dịch vụ du lịch và</p>

	<p>bản về quản lý, điều hành hoạt động trong doanh nghiệp dịch vụ (khách sạn, công ty lữ hành,...)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sinh viên hình thành kỹ năng lập luận và giải quyết vấn đề kinh tế, kinh doanh và quản lý + Sinh viên rèn luyện khả năng làm việc độc lập và khả năng làm việc theo nhóm, hình thành, phát triển và lãnh đạo nhóm + Sinh viên rèn luyện phẩm chất đạo đức tốt, ý thức phấn đấu vươn lên trở thành nhà quản trị du lịch giỏi, hoàn thành tốt các trách nhiệm công dân. 	<p>lữ hành, quản trị khách sạn, tài chính – ngân hàng,... Sau khi học xong học phần, sinh viên có kiến thức khái quát về quản trị dịch; quản trị các nguồn lực lao động, vốn và cơ sở vật chất kinh doanh dịch vụ; quản trị cầu dịch vụ; quản trị quá trình cung ứng dịch vụ; quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ; chiến lược phát triển dịch vụ và chiến lược dịch vụ toàn cầu.</p>
--	--	--